

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bổ sung để thực hiện dự án: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ƯƠNG BÍ

Căn cứ Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15; Căn cứ Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 Quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2024; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh: số 40/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; số 97/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh; số 23/2026/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại

Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025); số 02/2026/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 Ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - Phần đơn giá bồi thường nhà, công trình giao thông, vật kiến trúc; số 06/2025/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 Ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Phần đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi); số 68/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Ban hành quy định về bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (phần đơn giá bồi thường công trình Nông nghiệp); số 43/2025/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 bổ sung đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo các quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh số 68/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 và số 06/2025/QĐ-UBND ngày 22/01/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 quy định bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh; Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Dự án: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh);

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh Quảng Ninh: số 598/UBND-XD&MT ngày 12/02/2026 về việc thống nhất về nguyên tắc phương án tuyến và công trình trên tuyến Dự án tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; số 1395/UBND-XD&MT ngày 10/4/2026 về việc chấp thuận phương án tuyến, vị trí công trình, tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 điều 14 nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 268/TB-UBND ngày 03/5/2026 của UBND phường Uông Bí để thực hiện dự án: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh);

Căn cứ Quyết định 1669/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Chủ tịch UBND phường Ưông Bí về việc phân công công tác giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên ủy ban nhân dân phường Ưông Bí, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét đề nghị của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1381/TTr-XDNN&MT ngày 23/9/2026 và Trung tâm Cung ứng dịch vụ tại Văn bản số 526/ĐN-CUDV ngày 23/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh) đối với 29 hộ gia đình, cá nhân. Cụ thể:

- Phê duyệt phương án bổ sung đối với 29 hộ gia đình, cá nhân với tổng số tiền là: **373.246.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn).**

- Tiến độ thực hiện phương án bổ sung: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường Ưông Bí phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

(Có bảng tổng hợp danh sách phương án bổ sung kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và Nhà văn hóa khu dân cư nơi có đất thu hồi; đồng thời gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1; trường hợp các hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; Chủ trì thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt và thanh quyết toán theo quy định.

2. Hộ gia đình, cá nhân tại Điều 1 có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường nhận đầy đủ số tiền được phê duyệt theo Quyết định này.

3. Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của phường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường; Thủ trưởng các ngành có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, XDNN&MT.



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ƯƠNG BÍ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH PHƯƠNG ÁN (BỔ SUNG) BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THUỘC ĐIỆN GIẢI PHÒNG MẬT BẢNG THỰC HIỆN DỰ ÁN: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ ĐỂ GIẢI PHÒNG MẬT BẢNG THỰC HIỆN DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO HÀ NỘI - QUẢNG NINH (ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH)

(Kèm theo Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Ưông Bí)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ GPMB	Thửa đất/Tờ GPMB	Các khoản bồi thường, hỗ trợ (đồng)				Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (làm tròn)
				Phân đất	Vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Các khoản hỗ trợ		
1	Ông Lương Phú Doanh và bà Bùi Thị Cậy	QT11	24, 47/4; 139/5	-	11.870.402	-	-	11.870.402	11.870.000
2	Ông Đoàn Văn Hạnh	QT11	134/5	-	1.760.000	-	-	1.760.000	1.760.000
3	Ông Đoàn Đức Thắng	QT11	112/5	-	4.876.510	-	-	4.876.510	4.877.000
4	Bà Lê Thị Thuận	QT11	124, 138, 145/5	-	15.880.000	-	-	15.880.000	15.880.000
5	Bà Bùi Thị Sánh	QT11	136/5	-	1.180.000	-	-	1.180.000	1.180.000
6	Bà Đỗ Thị Đông	Đền Công	59, 67/5	-	1.840.984	-	-	1.840.984	1.841.000
7	Ông Nguyễn Văn Thanh và bà Vũ Thị Tình	Đền Công	57b/6	6.144.000	-	-	30.720.000	36.864.000	36.864.000
8	Bà Bùi Thị Hiền	QT11	135/5	-	4.400.000	-	-	4.400.000	4.400.000
9	Ông Đoàn Mạnh Trường	QT11	89/4	-	16.880.000	-	-	16.880.000	16.880.000



TT	Họ và tên	Địa chỉ GPMB	Thửa đất/Tờ GPMB	Các khoản bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (làm tròn)
				Phần đất	Vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Các khoản hỗ trợ			
10	Bà Đặng Thị Thúy	QT11	145/5	-	7.380.000	-	-	7.380.000	7.380.000	
11	Bà Trần Thị Ngờ	QT11	19, 20, 58, 59/4	-	880.000	-	-	880.000	880.000	
12	Ông Trần Mạnh Thành	QT11	133/5	-	880.000	-	-	880.000	880.000	
13	Ông Trần Văn Báu	QT11	19a/5	-	24.584.382	-	-	24.584.382	24.584.000	
14	Bà Đoàn Thị Nguyễn	QT11	19b/5	-	2.640.000	-	-	2.640.000	2.640.000	
15	Bà Lưu Thị Hằng	QT11	128, 131/5	-	14.692.017	-	-	14.692.017	14.692.000	
16	Ông Nguyễn Văn Ngờ	QT11	53a, 53d, 71/4	-	9.173.314	-	-	9.173.314	9.173.000	
17	Ông Vũ Huy Trung	QT11	126/5	-	2.640.000	-	-	2.640.000	2.640.000	
18	Ông Nguyễn Duy Linh	QT11	32C/4	-	880.000	-	-	880.000	880.000	
19	Ông Bùi Văn Chính	QT11	132/5	-	25.089.552	-	-	25.089.552	25.090.000	
20	Ông Đinh Văn Xuân	QT11	32A, 88A/4	-	54.445.871	-	-	54.445.871	54.446.000	
21	Ông Nguyễn Văn Nhi	QT11	53B/4	-	880.000	-	-	880.000	880.000	
22	Ông Đoàn Văn Tuyên	QT11	149/5	-	18.273.872	-	-	18.273.872	18.274.000	



TT	Họ và tên	Địa chỉ GPMB	Thửa đất/Tờ GPMB	Các khoản bồi thường, hỗ trợ (đồng)				Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (làm tròn)
				Phản đất	Vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Các khoản hỗ trợ		
23	Bà Nguyễn Thị Mơ	QT11	130/5	-	7.072.453	-	-	7.072.453	7.072.000
24	Ông Nguyễn Văn Thành	QT11	88B/4	-	9.892.925	-	-	9.892.925	9.893.000
25	Ông Nguyễn Văn Đại	QT11	19c, 120/5	-	43.520.000	-	-	43.520.000	43.520.000
26	Bà Nguyễn Thị Phương	QT11	23, 85/4	-	3.605.000	-	-	3.605.000	3.605.000
27	Ông Đoàn Đức Hạnh	QT11	121, 125/5	-	30.237.251	-	-	30.237.251	30.237.000
28	Ông Bùi Văn Hạ	QT11	137/5	-	15.886.944	-	-	15.886.944	15.887.000
29	Ông Đinh Văn Toàn	QT11	84, 86/4	-	5.041.345	-	-	5.041.345	5.041.000
	Tổng cộng			6.144.000	336.382.822	-	30.720.000	373.246.822	373.246.000

(Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn)

ĐƠN